

Số: **11784** /TCHQ-TXNK

Hà Nội, ngày **29** tháng 9 năm 2014

V/v nhập khẩu phân bón vi sinh

Kính gửi: Công ty CP Đầu tư và phát triển công nghệ Việt Nam.
(Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên)

Trả lời công văn số 42/CV-ĐT ngày 22/09/2014 của Công ty CP Đầu tư và phát triển công nghệ Việt Nam đề nghị hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế nhập khẩu và thủ tục kê khai thuế mặt hàng phân bón vi sinh, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

1. Về mức thuế nhập khẩu, GTGT:

1.1. Về thuế nhập khẩu:

Căn cứ Thông tư số 156/2011/TT-BTC ngày 14/11/2011 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam; Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Thông tư số 164/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; thì:

Mặt hàng Phân vi sinh, loại có nguồn gốc từ động vật hoặc thực vật, thuộc nhóm 31.01, mã số 3101.00.99 "- - Loại khác", thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi 0% (không phần trăm).

Mặt hàng khai báo là Phân vi sinh nhưng trong thành phần có bổ sung các nguyên tố N, P, K, thì thuộc nhóm 3105, mã số 3105.90.00 "- Loại khác", thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi 0% (không phần trăm).

Để đảm bảo phân loại chính xác mã số mặt hàng Phân vi sinh nhập khẩu, đề nghị Công ty xuất trình hồ sơ có liên quan để cơ quan hải quan nơi làm thủ tục căn cứ vào thực tế hàng hóa để xác định cụ thể.

1.2. Về thuế GTGT:

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Luật Thuế giá trị gia tăng, khoản 2 Điều 10 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính, thì mặt hàng phân bón có thuế suất thuế GTGT là 5% (năm phần trăm).

2. Về thời hạn nộp thuế nhập khẩu, GTGT:

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 42 Luật Quản lý thuế được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 21/2012/QH13; khoản 3, khoản 9 Điều 20 Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính, thì: Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 42 Luật Quản lý thuế được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13, phải nộp thuế trước khi thông quan hoặc giải phóng hàng.

Trường hợp được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế phải nộp (thời hạn bảo lãnh tối đa là 30 ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan) và đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư này, thì thời hạn nộp thuế là thời hạn bảo lãnh nhưng trong thời gian bảo lãnh phải nộp tiền chậm nộp kể từ ngày thông quan hoặc giải phóng hàng đến ngày thực nộp thuế. Tiền chậm nộp thực hiện theo quy định tại Điều 106 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 và hướng dẫn tại Điều 131 Thông tư 128/2013/TT-BTC.

3. Về thủ tục kê khai thuế với cơ quan hải quan:

Căn cứ quy định tại Điều 14 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/07/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế, thì: khai thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu được thực hiện theo từng lần phát sinh. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được đăng ký Tờ khai hải quan một lần để xuất khẩu, nhập khẩu nhiều lần theo quy định của pháp luật về hải quan thì việc khai thuế, tính thuế thực hiện theo từng lần thực tế xuất khẩu, nhập khẩu tại thời điểm làm thủ tục hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Hồ sơ khai thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là hồ sơ hải quan.

Căn cứ quy định tại Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, thì: Việc khai hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 11; Hồ sơ hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 128/2013/TT-BTC.

4. Về thủ tục nhập khẩu phân bón vi sinh:

Việc nhập khẩu phân bón các loại (phân bón vô cơ, phân bón hữu cơ và phân bón khác) được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 202/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ về quản lý phân bón. Để triển khai thực hiện Nghị định số 202/2013/NĐ-CP, trên cơ sở thống nhất với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ngày 19/3/2014 Bộ Công Thương đã công văn số 2114/BCT-HC hướng dẫn thực hiện việc xuất khẩu, nhập khẩu phân bón. Theo đó, tại điểm 2.3 công văn số 2114/BCT-HC đã nêu cụ thể các giấy tờ, tài liệu xuất trình cho cơ quan Hải quan để nhập khẩu phân bón như sau:

4.1. Trường hợp nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh:

- 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trong đó có ngành nghề về kinh doanh phân bón do cơ quan có thẩm quyền cấp, chỉ xuất trình khi nhập khẩu lần đầu;

- 01 bản sao Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy về chất lượng loại phân bón nhập khẩu (đối với phân bón hữu cơ và phân bón khác) của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi có trụ sở chính cấp, chỉ xuất trình khi nhập khẩu lần đầu cho mỗi loại phân bón.

- 01 Giấy chứng nhận hợp quy lô phân bón nhập khẩu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn công bố áp dụng cho tổ chức chứng nhận hợp quy phân bón được chỉ định cấp hoặc Phiếu kết quả thử nghiệm/Giấy chứng nhận do một tổ chức thử nghiệm hoặc tổ chức chứng nhận phân bón trong các nước ký kết Hiệp định/Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (Mutual Recognition Arrangements/Arrangements-MRA) cấp.

4.2. Trường hợp nhập khẩu để khảo nghiệm, nghiên cứu, làm hàng mẫu:

01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trong đó có ngành nghề về kinh doanh phân bón do cơ quan có thẩm quyền cấp, chỉ xuất trình khi nhập khẩu lần đầu;

Tổng cục Hải quan trả lời đề Công ty CP Đầu tư và phát triển công nghệ Việt Nam được biết. Trường hợp còn vướng mắc đối với về thủ tục nhập khẩu phân vi sinh nêu tại điểm 4 công văn này, đề nghị Công ty liên hệ với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn cụ thể. *nhu*

Nơi nhận:

- Như trên; *DA*
- Cục GSQL;
- Lưu: VT, TXNK; (CS-M.Linh -03 bản).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Dương Thái

09.39564